

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2021/DS-PT

Ngày: 09 - 03 - 2021

V/v: Tranh chấp chia tài sản chung
và chia di sản thừa kế

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Anh Tuấn

Các Thẩm phán:

Bà Vũ Thị Thu

Bà Vũ Thị Mai Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Ngọc Tiên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:
Ông Trần Trọng Dân - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2021 và ngày 09 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 86/2020/TLPT-DS ngày 19 tháng 11 năm 2020 về việc “Tranh chấp chia tài sản chung và chia di sản thừa kế”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 97/2020/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 04/2021/QĐ-PT ngày 04 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị S, sinh năm 1952; Nơi cư trú: Xóm 3a, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định (Có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn Đ (Nguyễn Văn Ch), sinh năm 1960; Nơi cư trú: Khu 1, xã K, huyện T, tỉnh Phú Thọ (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Trường S1, sinh năm 1954; Nơi cư trú: Khu 1, xã K, huyện T, tỉnh Phú Thọ (Có mặt).

2. Bà Nguyễn Hồng L; sinh năm 1959; Nơi cư trú: Thôn Đồi, xã Đắc Wil, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông (Vắng mặt).

3. Chị Nguyễn Thị L1; sinh năm 1972; Nơi cư trú: Số 124 đường Lê Sao, Phường Phú Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

4. Chị Nguyễn Thị L2; sinh năm 1974; Nơi cư trú: Xóm 2, thôn Thiên Đông, xã Đại Ban, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng (Vắng mặt).

5. Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1976; Nơi cư trú: Thôn 18, xã Đắc D'ông, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông (Vắng mặt).

6. Bà Trần Thị D, sinh năm 1958; Nơi cư trú: Xóm 4 Mỹ Đức, xã Hải Giang, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định (Vắng mặt).

7. Bà Vũ Thị Châu L3, sinh năm 1967; Nơi cư trú: Xóm Mỹ Đức, xã Hải Giang, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định (Vắng mặt).

8. Anh Nguyễn Văn D; sinh năm 1987; Nơi cư trú: Số nhà 1/53, ngõ 47, phố Nam Dư, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội (Vắng mặt).

9. Chị Nguyễn Vũ Châu G, sinh năm 1989; Nơi cư trú: Khu Trại cá, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 27/4/2020, quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, nguyên đơn cụ Phạm Thị S trình bày: Cụ Nguyễn Văn V kết hôn với cụ Nguyễn Thị L sinh được 07 người con chung gồm: bà Nguyễn Thị La (chết năm 2013); ông Nguyễn Văn Ch (chết năm 2014); ông Nguyễn Bá H (chết năm 1975 chưa có vợ con); ông Nguyễn Văn H1 (chết khi được 01 tuổi); ông Nguyễn Trường S1; bà Nguyễn Thị L; Nguyễn Văn Đ (tức C). Chồng bà Là là ông B (đã chết), bà La sinh được 03 người con là chị L1, chị L2, anh B. Ông C (đã chết) có vợ là bà L3, và có 02 người con là anh D và chị G. Sau khi cụ L chết vào năm 1987, cuối năm 1987 cụ V kết hôn với cụ Phạm Thị S. Trong quá trình chung sống, cụ S và cụ V có tạo lập được khối tài sản chung gồm có thổ đất diện tích 1035m² (trong đó: ONT: 180 m², LNK 473 m², TSN 310 m², LUC 72 m²) (diện tích thực tế là 1022m² do mở đường thôn xóm) tại tờ bản đồ số 16, thửa 25 xã Hải Giang, được Ủy ban nhân dân huyện Hải Hậu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 818456 ngày 08/7/1998, đứng tên hộ ông Nguyễn Văn V, trên đất có một số công trình xây dựng đã hết giá trị sử dụng. Ngày 02/07/2005, cụ Nguyễn Văn V có lập một di chúc với nội dung để lại toàn bộ nhà của ruộng vườn và đồ dùng trong gia đình cho cụ S được hưởng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi cụ S còn sống được hưởng toàn bộ tài sản trên không được bán, sau khi cụ S chết thì sẽ truyền lại di chúc này cho con trai út là Nguyễn Văn Ch (Đông) được hưởng và ông Đ phải có trách nhiệm chính cùng với các con làm tròn nhiệm vụ với cụ S coi cụ S như mẹ đẻ từ lúc còn sống đến lúc qua đời cụ thể mai táng cho đến khi đưa vào lăng thì mới hoàn thành nghĩa vụ. Nếu vợ chồng ông Chương về trước thì làm nhà

từ tường đá trở về sau. Còn nhà đang ở thì phải để cho cụ S ở không được dỡ bỏ. Tôi và vợ tôi thống nhất để lại 10 mét chiều Nam Bắc giáp sông Đ Tây trở ra để thờ cúng liệt sỹ Nguyễn Bá Hiến là con trai nhưng ưu tiên cháu Nguyễn Văn G được quyền sử dụng để thờ cúng. Nếu cháu ở lúc nào thì cắt cho cháu lúc ấy, chỉ được làm nhà cửa tuyệt đối không được bán. (Tuy nhiên, anh Giáp đã chết ngày 07/5/2020). Ngày 10/10/ 2006, cụ V chết. Ngày 16/6/2010, cụ Phạm Thị S làm đơn đề nghị cấp lại, cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thửa đất đối với thửa đất trên và đã được Ủy ban nhân dân huyện Hải Hậu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 214711 ngày 06/8/2010, đứng tên cụ Phạm Thị S. Nay cụ S đã già yếu, ốm đau bệnh tật nên có nguyện vọng bán đi phần đất mình được hưởng nhưng ông Đ không đồng ý. Để đảm bảo quyền lợi cho mình và mọi việc được rõ ràng đối với khối di sản cụ V để lại nên cụ S làm đơn đề nghị Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng và chia di sản thừa kế của cụ V theo quy định của pháp luật. Cụ S xin nhận phần được hưởng trong khối tài sản chung của vợ chồng bằng hiện vật ở phía Nam thổ đất và không yêu cầu giải quyết về các công trình xây dựng trên đất do giá trị sử dụng không còn, phần đất được hưởng đến đâu thì nhận phần công trình trên phần đất đó.

Bị đơn là ông Nguyễn Văn Đ (Chường) trình bày: Ông Đ công nhận lời trình bày của cụ S về quan hệ gia đình và di sản thừa kế, nội dung di chúc của cụ V như cụ Sợi trình bày trên là đúng. Nay ông Đ đề nghị Tòa án xem xét di chúc của cụ V và chia tài sản thừa kế trên cơ sở di chúc và theo quy định pháp luật. Từ năm 2005 ông mới tách khẩu lên Phú Thọ, do công việc bận và ông phải thực hiện nghĩa vụ thi hành án hình sự tổng 13 năm nên không có điều kiện chăm sóc cho cụ S được, khi có điều kiện một năm ông có về quê ba đến bốn lần vào các ngày giỗ chạp, các dịp lễ tết để thăm nom cụ Sợi, nếu ông không về được thì con ông về, con cái ông Đ có lúc cũng biếu tiền cho cụ S. Hiện nay ông Đ đang sinh sống ở Phú Thọ nhưng ông là con trai, sau này ông cũng sẽ về quê hương để sinh sống nên có nguyện vọng được sử dụng tài sản thừa kế bằng hiện vật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trường S1 trình bày: Ông Sinh có lời khai thống nhất với lời trình bày của cụ Sợi về quan hệ hôn nhân, huyết thống, thời điểm cụ V chết, về di sản của cụ V để lại trong khối di sản chung của cụ Sợi. Ngày 02/7/2005, cụ V viết di chúc, nội dung di chúc đúng với nguyện vọng của cụ V và đã được UBND xã Hải Giang xác nhận là đúng. Ông có quan điểm đề nghị Tòa án xem xét tính hợp pháp của di chúc và chia di sản theo quy định pháp luật. Anh Nguyễn Văn G là con ông đã chết ngày 07/5/2020, sau này ông cũng về quê hương nên việc nhận di sản để thờ cúng theo di chúc thì ông xin nhận trách nhiệm thay con trai quản lý nơi thờ tự gia đình. Còn về phần di sản được hưởng, ông xin nhận bằng hiện vật là đất.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác ý kiến: Công nhận lời trình bày của cụ S là đúng về quan hệ gia đình và di sản thừa kế, nội dung di chúc của cụ V, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu giải quyết vụ án theo quy định pháp luật, xin nhận phần được hưởng bằng hiện vật. Chỉ riêng chị Nguyễn Thị Liên tuy được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không có lời khai lưu tại hồ sơ vụ án, nhưng thông qua bà Lược là cô ruột cũng xin nhận di sản thừa kế bằng hiện vật và chung phần với các anh chị em con của bà Là. Bà Loan và các con là anh Duẩn và chị Giang xin nhận thừa kế bằng hiện vật và chung phần.

Người làm chứng ông Trần Quốc Kh khai nhận: Ông là người chứng kiến việc lập di chúc của cụ V, nội dung di chúc như thế nào ông không được nhớ nhưng khi lập di chúc này thì cụ V vẫn còn khỏe. Ngoài ông Khánh thì ngày hôm đó ông Đ, cụ S cũng có mặt. Sau khi lập di chúc mọi người cùng ký nhận vào phần cuối bản di chúc và gia đình cụ V mang di chúc đến UBND xã xác nhận. Ông Kh bổ sung thêm: Ông Đ sinh sống tại Phú Thọ từ khoảng năm 1985, phần nhà đất trên chỉ có cụ V và cụ S ở. Ông Đ và những người con khác của cụ V không ở cùng. Từ khi cụ V chết thì một năm ông Đ có về chơi mấy lần xong lại đi luôn.

Người làm chứng ông Nguyễn Hồng Q khai nhận: Thời điểm xác nhận vào di chúc của cụ V ngày 12/7/2005, ông Q giữ chức vụ Phó Chủ tịch UBND xã. Ngày 12/7/2005 tại UBND xã Hải Giang, cụ V, cụ Sợi, ông Khánh, ông Đ cầm bản di chúc lập sẵn và đã có chữ ký của các bên đến Ủy ban nhờ ông xác nhận. Lúc đó ông thấy cụ V hoàn toàn minh mẫn, sáng suốt, không bị ai ép buộc. Ông đọc bản di chúc và cũng hỏi lại cụ V về nội dung bản di chúc có đúng với ý chí của cụ hay không thì được cụ V trả lời rõ ràng là đúng nên ông đã xác nhận “Bản di chúc và chữ ký của ông Nguyễn Văn V là người lập di chúc như nội dung trên là đúng”.

Tại phiên tòa: Các đương sự giữ nguyên ý kiến trình bày ở trên, nhất trí với kết quả đo đạc thực địa thổ đất và chia theo số liệu đo được là 1022 m². Cụ S không đồng ý với nội dung di chúc của cụ V để lại 10m đất mặt dong để thờ cúng, cụ S đề nghị Tòa án xem xét nguyện vọng của cụ. Bà Nguyễn Thị L có mặt đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu giải quyết vụ án theo quy định pháp luật và có ý kiến là chị L1, chị L2, anh B xin được nhận bằng hiện vật và sử dụng chung phần; bà Loan có ý kiến tại phiên tòa là bà và anh D, chị G cũng xin được nhận bằng hiện vật và sử dụng chung phần.

Từ nội dung trên, Bản án dân sự sơ thẩm số 97/2020/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định đã quyết định:

Căn cứ các Điều 236, 357, 613; 623, 630, 635, 643, 645, 649, 650, 651, 659, 660 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 50, 136 Luật Đất đai 2003; Điều 26, 35, 39, 147, 227, 244; 271; 273 BLTTDS 2015.

1. Xử chấp nhận yêu cầu đơn khởi kiện chia tài sản chung của vợ chồng và chia di sản thừa kế của cụ Phạm Thị S.

2. Giao phần đất S1 có diện tích 95m² (đất CLN) cho ông Nguyễn Trường S1 quản lý để thờ cúng có chiều cạnh tứ cận như sau: Cạnh phía Bắc giáp mương dài 17.8 m+ 1.2m; cạnh phía Đông giáp đường bê tông dài 5.0m; cạnh phía Tây giáp đất hộ ông Khánh dài 5.0m; cạnh phía Nam giáp đất ông Sinh dài 19.5m.

3. Chia ông Nguyễn Trường S1 được quyền sử dụng diện tích đất S2 là 69,3m² (đất CLN), có chiều dài tứ cận như sau: Cạnh phía Đông dài 3,6m giáp đường bê tông; cạnh phía Tây giáp đất hộ ông Khánh dài 3,6m; cạnh phía Bắc giáp đất thờ cúng dài 19.5m; cạnh phía nam giáp đất ông Sinh được chia dài 19.8m.

4. Chia ông Nguyễn Văn Đ (tức Chương) được quyền sử dụng diện tích đất S3 là 69,3 m² (đất CLN), có chiều dài tứ cận như sau: Cạnh phía Đông dài 3,5m giáp đường bê tông; cạnh phía Tây giáp đất hộ ông Khánh dài 3,5m; cạnh phía Bắc giáp đất ông Sinh được chia dài 19.8m; cạnh phía nam giáp đất bà Lược được chia dài 20.1m.

5. Chia bà Nguyễn Thị Lược được quyền sử dụng diện tích đất S4 là 69,3m² (đất CLN), có chiều dài tứ cận như sau: Cạnh phía Đông dài 3,5m giáp đường bê tông; cạnh phía Tây giáp đất hộ ông Khánh dài 3,5m; cạnh phía Bắc giáp đất ông Đ được chia dài 20.1m; cạnh phía nam giáp đất (chị Lan + chị Liên + anh Bằng) được chia dài 20.3m.

6. Chia chị Nguyễn Thị L1, chị Nguyễn Thị L2, anh Nguyễn Văn B được quyền sử dụng diện tích đất S5 là 69,3m² (đất CLN), có chiều dài tứ cận như sau: Cạnh phía Đông dài 3,5m giáp đường bê tông; cạnh phía Tây giáp đất hộ ông Khánh dài 3,5m; cạnh phía Bắc giáp đất bà Lược được chia dài 20.3m; cạnh phía nam giáp đất (bà Loan + anh Duân + chị Giang) được chia dài 20.3m.

7. Chia bà Vũ Thị Châu L3, anh Nguyễn Văn D, chị Nguyễn Vũ Châu G được quyền sử dụng diện tích đất S6 là 69,3m² (đất ONT), có chiều dài tứ cận như sau: Cạnh phía Đông dài 3,5m giáp đường bê tông; cạnh phía Tây giáp đất hộ ông Khánh dài 3,5m; cạnh phía Bắc giáp đất (chị Lan + chị Liên + anh Bằng) được chia dài 20.3m; cạnh phía nam giáp đất cụ S được chia dài 20.3m.

8. Chia Cụ Phạm Thị S được quyền sử dụng diện tích đất S7 là 69,3m² (đất ONT), có chiều dài tứ cận như sau: Cạnh phía Đông dài 3,5m giáp đường bê tông; cạnh phía Tây giáp đất hộ ông Khánh dài 3,5m; cạnh phía Bắc giáp đất (chị Giang

+ bà Loan + anh Duẩn) được chia dài 20.3m; cạnh phía nam giáp đất cụ S được chia dài 20.4m.

9. Chia cụ Phạm Thị S được quyền sử dụng diện tích đất S8 là 511m² (trong đó: ONT 41,1 m², CLN 87,8 m², NTS 310 m², LUC 72m²), có chiều dài tứ cận như sau: Cạnh phía Đông dài 12.0 + 13.3m giáp đường bê tông; cạnh phía Tây giáp đất hộ ông Khánh dài 23.6m; cạnh phía Bắc giáp đất (bà Loan + anh Duẩn + chị Giang) được chia dài 20.4m; cạnh phía nam giáp đất ngõ dài 18.3 + 2.8m.

(Việc phân chia đất cho các đương sự có sơ đồ kèm theo)

Các đương sự được chia hiện vật có quyền và nghĩa vụ đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được điều chỉnh và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của Bản án.

Ngoài ra, bản án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 12/10/2020, ông Nguyễn Văn Đ làm đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định làm rõ việc cấp sổ đỏ mang tên bà Phạm Thị S năm 2010; Đề nghị công nhận và chia theo di chúc mà bố tôi để lại; Đề nghị làm rõ việc bà Sợi và bố tôi không có đăng ký kết hôn. Tài liệu, chứng cứ nộp bổ sung gồm: Bản di chúc phô tô, đơn xin miễn án phí. Ngoài ra ông Đ không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng những quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự, xử giữ nguyên bản án sơ thẩm số 97/2020/DSST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu. Về án phí, các đương sự phải chịu theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Nguyễn Văn Đ có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định nên được chấp nhận. Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

[2] Xét nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Văn Đ:

[2.1] Về thời điểm mở thừa kế: Cụ Nguyễn Văn V chết ngày 10/10/2006. Căn cứ Bộ luật Dân sự năm 2015, thời điểm mở thừa kế của cụ V là ngày 10/10/2006.

[2.2] Về diện và hàng thừa kế: Cụ Nguyễn Văn V kết hôn với cụ Nguyễn Thị Liễu sinh được 07 người con chung gồm: bà Nguyễn Thị Là (chết năm 2013); ông Nguyễn Văn Ch (chết năm 2014); ông Nguyễn Bá H (chết năm 1975 chưa có vợ con); ông Nguyễn Văn Hình (chết khi được 01 tuổi); ông Nguyễn Trường S1; bà Nguyễn Thị Lướt; Nguyễn Văn Đ (tức Chuông). Chồng bà Là là ông Bảo (đã chết), bà Là sinh được 03 người con là chị L1, chị L2, anh B. Ông Chinh (đã chết) có vợ là bà L3, và có 02 người con là anh D và chị G. Sau khi cụ Liễu chết vào năm 1987, cuối năm 1987 cụ V kết hôn với cụ Phạm Thị S không có con chung. Ngày 08/9/2020, bà Phạm Thị S có đơn đề nghị UBND xã Hải Giang xác nhận kết hôn với ông Nguyễn Văn V và cấp trích lục đăng ký kết hôn. UBND xã Hải Giang xác nhận theo sổ hộ khẩu thì bà Phạm Thị S quan hệ với chủ hộ Nguyễn Văn V là vợ. Ngày 08/02/2021, UBND xã Hải Giang có công văn gửi Tòa án xác định sổ lưu trữ đăng ký kết hôn của địa phương năm 1987 không còn lưu trữ. Như vậy, việc bà Sợi chung sống với ông Vang có đăng ký kết hôn hay không thì không có cơ sở pháp lý để chấp nhận. Tuy nhiên, việc bà Sợi chung sống với ông Vang là có thật. Năm 2006, ông Vang chết, bà Sợi là người trông coi và quản lý di sản thừa kế của ông Vang. Xét về đạo lý và qui định tại Điều 618 BLDS, HĐXX quyết định chia cho bà Sợi một kỷ phần thừa kế như những người thừa kế của ông Vang. Bố mẹ cụ V đều đã chết trước cụ V. Cụ V không có con riêng, con nuôi nào khác. Căn cứ vào Điều 651 Bộ luật Dân sự 2015, tại thời điểm mở thừa kế, hàng thừa kế thứ nhất của cụ V gồm: 05 người con gồm bà Là, ông Sinh, ông Chinh, bà Lướt, ông Đ. Do các con là bà Là, ông Chinh đều chết sau cụ V nên chồng (vợ) và các con của bà Là, ông Chinh được hưởng thừa kế.

[2.3] Về xác định hiệu lực của di chúc do cụ Nguyễn Văn V lập ngày 02/7/2005:

Về hình thức của di chúc: Bản di chúc do cụ Nguyễn Văn V lập và ký ngày 02/7/2005 đã được UBND xã Hải Giang xác nhận ngày 12/7/2005 thuộc trường hợp Di chúc bằng văn bản có chứng thực. Di chúc được các đương sự trong vụ án công nhận đúng nguyện vọng của cụ V, được lập khi cụ V minh mẫn, sáng suốt, không bị lừa dối, đe dọa, cưỡng ép. Theo quy định tại Điều 628, Điều 630, Điều 635 BLDS. Do đó, hình thức di chúc cụ Nguyễn Văn V để lại là hợp pháp.

Về nội dung của di chúc: Nội dung bản di chúc của cụ V có một số vấn đề cần xem xét như sau: Bản di chúc của cụ Nguyễn Văn V có nội dung: "... Tôi lập di chúc để lại toàn bộ tài sản... cho vợ tôi là bà Phạm Thị S". Xét thấy, quyền sử dụng đất 1022m² (theo số liệu đo đạc thực địa) tại tờ bản đồ số 25, thửa 16 ở xã Hải Giang là tài sản chung của cụ V, cụ S. Cụ V, cụ S là vợ chồng hợp pháp do đó theo quy định tại Điều 66 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì cụ V và cụ S mỗi người có ½ quyền sử dụng đất diện tích đất 1022m² tại tờ bản đồ số 25,

thửa 16 ở xã Hải Giang. Tuy nhiên, cụ V đã định đoạt cả khối tài sản chung của cụ V và cụ S. Do đó di chúc này là di chúc hợp pháp một phần, cụ thể là phần định đoạt đối với tài sản là quyền sử dụng đất 511m² của cụ V có hiệu lực. Phần diện tích đất còn lại 511m² thuộc quyền sử dụng của cụ S, cụ S còn sống có nguyện vọng không đồng ý với di chúc của cụ V phần tài sản của cụ S. Do đó, quyền sử dụng đất 511m² còn lại trong di chúc xác định là di sản của cụ V.

Nội dung di chúc của cụ V có hai di nguyện: thứ nhất là để lại toàn bộ tài sản cho vợ tôi là bà Phạm Thị S toàn quyền sử dụng, sau khi cụ S chết thì ông Đ được hưởng và ông Đ phải có trách nhiệm chính cùng với các con làm tròn nhiệm vụ với cụ S như mẹ để cho đến khi đưa vào lăng thì mới hoàn thành nghĩa vụ. Như vậy đây là di chúc có điều kiện. Di chúc có di nguyện để lại toàn bộ tài sản nhà đất và đồ dùng sinh hoạt khác cho cụ S nhưng cụ S đề nghị Tòa án chia di sản này theo pháp luật. Theo lời khai tại phiên tòa của ông Đ thừa nhận từ khi cụ V lập di chúc ông Đ phải thực hiện 13 năm thi hành án hình sự nên không chăm sóc được cho cụ S, hơn nữa ông Đ có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, sinh sống, làm việc tại tỉnh Phú Thọ thời gian không phải thi hành án một năm cũng chỉ về quê 3 đến 4 lần vào các dịp dỡ chạp, lễ tết nên chưa đảm bảo điều kiện chăm sóc cụ S như yêu cầu của di chúc. Do vậy, phần di sản này cụ S đề nghị chia theo luật cho cụ S và 5 người con là có căn cứ pháp luật. Trong số 5 người con của cụ V có bà Là và ông Chinh đã chết sau cụ V nên hàng thừa kế thứ nhất của ông Chinh và bà Là sẽ được hưởng theo quy định pháp luật.

Di nguyện thứ hai của cụ V là cùng cụ S để lại 10 mét dài chiều Nam Bắc giáp nương để thờ cúng liệt sỹ Nguyễn Bá Hiên, trước hết cho anh Nguyễn Văn G là cháu trai (cháu trai trưởng) sử dụng để thờ cúng (anh Giáp chết năm 2020). Tại phiên tòa, cụ S không nhất trí để lại 5m dài chiều Nam bắc phía Đông giáp đường bê tông để thờ cúng nên phần này vô hiệu phần định đoạt của cụ S. Di nguyện của cụ V, suất của cụ V là 5m đất chiều rộng mặt dong xóm ở phần đất phía Bắc dùng vào việc thờ cúng của cụ V nằm trong phần di sản của cụ V. Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận di nguyện này trong di chúc phần của cụ V là phù hợp.

[2.4] Về chia tài sản chung và xác định di sản thừa kế của cụ V: Quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa các đương sự thống nhất quá trình chung sống cụ V và cụ S có tạo lập được khối tài sản chung gồm: Quyền sử dụng đất 1022m² (theo số liệu đo đạc thực tế hiện nay) tại tờ bản đồ số 25, thửa số 16 ở xã Hải Giang. Trên đất có một số công trình nhưng đến nay đã không còn giá trị nên Hội đồng không tiến hành định giá. Cụ V và cụ S là vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, nguồn gốc khối tài sản của cụ V và cụ S được xác định thuộc sở hữu chung nên cụ V và cụ S có quyền ngang nhau đối với khối tài sản chung

của vợ chồng. Cụ thể, mỗi người có quyền đối với $1/2$ tài sản chung vợ chồng là $1022\text{ m}^2 : 2 = 511\text{ m}^2$ đất, đất để thờ cúng 95 m^2 .

Di sản của cụ V được chia theo quy định pháp luật là $511\text{ m}^2 - 95\text{ m}^2 = 416\text{ m}^2$. Trị giá là $416\text{ m}^2 \times 1.200.000 \text{ đồng/m}^2 = 499.200.000 \text{ đồng}$ (bốn trăm chín mươi chín triệu hai trăm nghìn đồng).

[2.5] Về chia thừa kế theo pháp luật:

Như đã phân tích ở trên, di sản thừa kế chia theo pháp luật của cụ Nguyễn Văn V là 416 m^2 tại thửa đất số 25, tờ bản đồ số 16, tại xã Hải Giang, giá trị là 499.200.000 đồng. Hàng thừa kế của cụ V gồm 05 suất thừa kế gồm bà Là (chị Lan, anh Bằng, chị Liên được hưởng), ông Sinh, ông Chinh (bà Loan, anh Duẩn, chị Giang được hưởng), bà Lược, ông Đông. Cụ S được phân chia một kỷ phần thừa là công trông coi quản lý di sản. Cụ thể, mỗi suất được hưởng di sản thừa kế của cụ V là $416\text{ m}^2 : 6 = 69,3\text{ m}^2$ có giá trị 83.160.000đ.

[2.6] Về phân chia di sản bằng hiện vật:

Đối với di sản là quyền sử dụng đất tại thửa số 25, tờ bản đồ số 16 ở xã Hải Giang, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định: Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa các đương sự đều trình bày xin nhận di sản thừa kế đối với quyền sử dụng đất tại thửa số 25, tờ bản đồ số 16 bằng hiện vật. Ngoài ra, các thừa kế chị Nguyễn Thị L1, chị Nguyễn Thị L2, anh Nguyễn Văn B thừa kế của xin nhận chung một thổ; bà Vũ Thị Châu L3, anh Nguyễn Văn D, chị Nguyễn Thị Châu Giang xin nhận chung một thổ. Qua xem xét thẩm định tại chỗ, căn cứ nguyện vọng của các bên đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận nguyện vọng xin hưởng kỷ phần di sản thừa kế bằng hiện vật và chia vị trí được hưởng như đề nghị của các đương sự là phù hợp với thực địa và không trái quy định pháp luật. (thứ tự phần được chia có sơ đồ kèm theo).

Đối với các công trình xây dựng trên đất các đương sự thống nhất do không còn giá trị sử dụng nên không yêu cầu chia, ai được hưởng phần đất thì được sử dụng phần công trình có trên đất.

Việc giao một phần di sản thừa kế của cụ V cho người quản lý tài sản để thờ cúng: Xét thấy trong di chúc của cụ V có một phần di nguyện giao di sản thừa kế 5m chiều rộng ở phần đất phía Bắc thổ = 95 m^2 để thờ cúng cho anh Nguyễn Văn G là con trai trưởng của ông Sinh quản lý để thờ cúng. Anh Giáp đã chết năm 2020, như vậy đối tượng được giao quản lý không còn. Ông Nguyễn Trường S1 đề nghị Tòa án giao phần đất thờ cúng cho ông quản lý và có trách nhiệm thờ cúng gia tiên theo di nguyện của cụ V. Xét thấy ông Sinh là con trai trưởng trong gia đình, hiện nay các đồng thừa kế khác không có nguyện vọng nhận trách nhiệm quản lý phần đất này, theo phong tục tập quán địa phương và dòng họ nên giao

ông Sinh là con trai trưởng có trách nhiệm quản lý để thờ cúng phần đất này, không có quyền chuyển nhượng mua bán phần đất này theo tư cách cá nhân cho ai là phù hợp.

[2.7] Từ những căn cứ nêu trên Hội đồng xét xử xác định:

Công nhận di chúc của cụ Nguyễn Văn V lập ngày 02/7/2005 là hợp pháp một phần.

Xác nhận di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn V định đoạt trong di chúc là phần đất S1 có diện tích 95m² đất giáp nương và giao cho ông Nguyễn Trường S1 là con trai trưởng quản lý để thờ cúng chung (có sơ đồ kèm theo).

Xác nhận di sản thừa kế chia theo luật gồm: Di sản là quyền sử dụng đất tại thửa số 25, tờ số 16 ở xã Hải Giang có diện tích 416m².

Chia vị trí đất cho các thừa kế: Theo chiều từ Bắc xuống Nam của thửa đất: chia cho Ông Nguyễn Trường S1 phần đất ở phía Bắc thửa đất để lại thờ cúng theo di nguyện của cụ V (gọi là vị trí S2); chia cho ông Nguyễn Văn Đ (vị trí S3); bà Nguyễn Thị Lượ (vị trí S4) mỗi người được hưởng 69,3m²; chị Nguyễn Thị L1 + chị Nguyễn Thị L2 + anh Nguyễn Văn B mỗi người được hưởng 23,1m² vào chung một thửa (vị trí S5); bà Vũ Thị Châu L3 + anh Nguyễn Văn D + chị Nguyễn Vũ Châu G mỗi người được hưởng 23,1m² vào chung một thửa (vị trí S6); chia cho bà cụ Phạm Thị S được hưởng phần diện tích đất tương ứng một kỷ phần thừa kế của cụ V (vị trí S7).

Xác định phần đất phía Nam tại tờ bản đồ số 16, thửa 25 xã Hải Giang có tổng diện tích đất 511m² (vị trí S8) là quyền sử dụng đất của cụ S.

(Có sơ đồ kèm theo bản án)

[2.8] Ngày 12/10/2020, ông Nguyễn Văn Đ làm đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định làm rõ việc cấp sổ đỏ mang tên bà Phạm Thị S năm 2010; Đề nghị công nhận và chia theo di chúc mà bố tôi để lại.

[2.8.1] Việc cấp sổ đỏ mang tên bà Phạm Thị S năm 2010: Theo công văn số 423/UBND-TNMT ngày 18/8/2020 của Ủy ban nhân dân huyện Hải Hậu thì trong đơn đề nghị cấp lại, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất (do chồng bà là Nguyễn Văn V đã chết) và được UBND xã Hải Giang xác nhận ngày 19/6/2010. Ủy ban nhân dân huyện Hải Hậu có gửi hồ sơ trích sao kèm theo công văn nêu trên; Tuy nhiên, khi nghiên cứu hồ sơ HĐXX xác định không có văn bản, tài liệu thể hiện sự đồng ý của những người được hưởng thừa kế của cụ Nguyễn Văn V. Ngày 06/8/2010, UBND huyện Hải Hậu đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Phạm Thị S. Căn cứ vào hồ sơ trích sao do UBND huyện cung cấp thì việc UBND huyện cấp giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Phạm Thị S chưa đảm bảo thủ tục theo qui định của pháp luật. Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm các đương sự không yêu cầu vấn đề này, việc phân chia tài sản chung của cụ V và cụ S cũng như chia di sản thừa kế của cụ V là đúng theo qui định của pháp luật. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, các đương sự được chia hiện vật có quyền và nghĩa vụ đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được điều chỉnh và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của bản án. Vì vậy, HĐXX không chấp nhận đề nghị kháng cáo này của ông Nguyễn Văn Đ.

[2.8.2] Đề nghị công nhận và chia theo di chúc mà bố tôi để lại: HĐXX xác định hiệu lực di chúc do cụ Nguyễn Văn V lập ngày 02/7/2005 theo toàn bộ nội dung nhận định để phân chia nêu trên (Mục 2.3). Ông Nguyễn Văn Đ không cung cấp chứng cứ, tài liệu nào khác để chứng minh sự hợp pháp của toàn bộ di chúc. Vì vậy, HĐXX không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của ông Nguyễn Văn Đ.

[2.8.3] Đề nghị làm rõ đăng ký kết hôn giữa cụ V và cụ S: Ngày 08/02/2021, UBND xã Hải Giang có công văn gửi Tòa án xác định sổ lưu trữ đăng ký kết hôn của địa phương năm 1987 không còn lưu trữ, các đương sự không cung cấp được đăng ký kết hôn. Như vậy, không có căn cứ xác định cụ V và cụ S chung sống có đăng ký kết hôn.

Tóm lại, toàn bộ nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Văn Đ không có căn cứ chấp nhận. HĐXX, quyết định giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: Ông Nguyễn Văn Đ là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Căn cứ các Điều 236, 357, 613; 623, 630, 635, 643, 645, 649, 650, 651, 659, 660 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 50, 136 Luật Đất đai 2003; Điều 26, 35, 39, 147, 227, 244; 271; 273 BLTTDS 2015.

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung và chia di sản thừa kế của cụ Phạm Thị S.

3. Giao cho ông Nguyễn Trường S1 phần đất S1 có diện tích 95m² (đất CLN) quản lý để thờ cúng, các chiều cạnh tứ cận như sau: Cạnh phía Bắc giáp nương

dài 17.8 m+ 1.2m; cạnh phía Đông giáp đường bê tông dài 5.0m; cạnh phía Tây giáp đất hộ ông Khánh dài 5.0m; cạnh phía Nam giáp đất ông Sinh dài 19.5m.

4. Giao cho ông Nguyễn Trường S1 được quyền sử dụng diện tích đất S2 là 69,3m² (đất CLN), các chiều dài tứ cận như sau: Cạnh phía Đông dài 3,6m giáp đường bê tông; cạnh phía Tây giáp đất hộ ông Khánh dài 3,6m; cạnh phía Bắc giáp đất thờ cúng dài 19.5m; cạnh phía nam giáp đất ông Sinh được chia dài 19.8m.

5. Giao cho ông Nguyễn Văn Đ (tức Chưởng) được quyền sử dụng diện tích đất S3 là 69,3 m² (đất CLN), các chiều dài tứ cận như sau: Cạnh phía Đông dài 3,5m giáp đường bê tông; cạnh phía Tây giáp đất hộ ông Khánh dài 3,5m; cạnh phía Bắc giáp đất ông Sinh được chia dài 19.8m; cạnh phía nam giáp đất bà Lượ được chia dài 20.1m.

6. Giao cho bà Nguyễn Thị Lượ được quyền sử dụng diện tích đất S4 là 69,3m² (đất CLN), các chiều dài tứ cận như sau: Cạnh phía Đông dài 3,5m giáp đường bê tông; cạnh phía Tây giáp đất hộ ông Khánh dài 3,5m; cạnh phía Bắc giáp đất ông Đ được chia dài 20.1m; cạnh phía nam giáp đất (chị Lan + chị Liên + anh Bằng) được chia dài 20.3m.

7. Giao cho chị Nguyễn Thị L1, chị Nguyễn Thị L2, anh Nguyễn Văn B được quyền sử dụng diện tích đất S5 là 69,3m² (đất CLN), các chiều dài tứ cận như sau: Cạnh phía Đông dài 3,5m giáp đường bê tông; cạnh phía Tây giáp đất hộ ông Khánh dài 3,5m; cạnh phía Bắc giáp đất bà Lượ được chia dài 20.3m; cạnh phía nam giáp đất (bà Loan + anh Duẩn + chị Giang) được chia dài 20.3m.

8. Giao cho bà Vũ Thị Châu L3, anh Nguyễn Văn D, chị Nguyễn Vũ Châu G được quyền sử dụng diện tích đất S6 là 69,3m² (đất ONT), các chiều dài tứ cận như sau: Cạnh phía Đông dài 3,5m giáp đường bê tông; cạnh phía Tây giáp đất hộ ông Khánh dài 3,5m; cạnh phía Bắc giáp đất (chị Lan + chị Liên + anh Bằng) được chia dài 20.3m; cạnh phía nam giáp đất cụ S được chia dài 20.3m.

9. Giao cho Cụ Phạm Thị S được quyền sử dụng diện tích đất S7 là 69,3m² (đất ONT), các chiều dài tứ cận như sau: Cạnh phía Đông dài 3,5m giáp đường bê tông; cạnh phía Tây giáp đất hộ ông Khánh dài 3,5m; cạnh phía Bắc giáp đất (chị Giang + bà Loan + anh Duẩn) được chia dài 20.3m; cạnh phía nam giáp đất cụ S được chia dài 20.4m.

10. Giao cho cụ Phạm Thị S được quyền sử dụng diện tích đất S8 là 511m² (trong đó: ONT 41,1 m², CLN 87,8 m², NTS 310 m², LUC 72m²), các chiều dài tứ cận như sau: Cạnh phía Đông dài 12.0 + 13.3m giáp đường bê tông; cạnh phía Tây giáp đất hộ ông Khánh dài 23.6m; cạnh phía Bắc giáp đất (bà Loan + anh

Duẩn + chi Giang) được chia dài 20.4m; cạnh phía nam giáp đất ngõ dài 18.3 + 2.8m.

(Việc phân chia đất cho các đương sự có sơ đồ kèm theo)

Các đương sự được chia hiện vật có quyền và nghĩa vụ đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được điều chỉnh và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của bản án.

11.Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 13; khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Ông Nguyễn Văn Đ là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSD-TAND huyện Hải Hậu;
- Chi cục THADS huyện Hải Hậu;
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Anh Tuấn